

Bản số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/3/2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tố Quyên
2. Bà Dương Thị Thu Hằng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 263/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Quỳnh T, sinh năm 2000

HKTT: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Xóm 1, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trường Giang, sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Chị T, anh G đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh G kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm Ao Đậu, xã Khe Mo, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh G chơi bời, không tích lũy cho gia đình, thường đánh chị nên chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được tình cảm nên vợ chồng đã quyết định sống ly thân không quan tâm

đến nhau nữa. Chị Txác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên kiến quyết xin được ly hôn với anh Giang.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2020. Hiện con chung đang ở với chị T. Sau vợ chồng ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Trường Gtrình bày: Về thời điểm kết hôn đúng như chị Ttrình bày, tuy nhiên anh xác định mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Tuy vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không thành, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh Gxác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: anh Gxác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2020. Khi ly hôn, anh nhường quyền nuôi con cho chị T, anh Gtự cấp dưỡng cho con theo khả năng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên toà án không xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và tổng đạt hợp lệ cho anh Gnhưng anh đều vắng mặt. Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Gđề nghị toà án xét xử vắng mặt do anh bận công việc không thể thu xếp để tham gia phiên toà được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình bị đơn Hộ khẩu thường trú tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trần Thị Quỳnh Tvà anh Nguyễn Trường Gđều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Quỳnh Tvà anh Nguyễn Trường Gkết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chị Gtrình bày vợ chồng sống không hạnh phúc do anh Gmải chơi, không quan tâm đến vợ con và còn thường đánh

chị nên chị nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Anh Gcũng xác định mâu thuẫn vợ chồng là do không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không thành, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh Gxác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tvà anh Gđã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị Tvà anh Gcó 01 con chung là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2020. Hiện cháu K đang ở cùng với chị T. Chị Tcó nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con sau khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu anh Gcấp dưỡng nuôi con; Anh Gcũng đề nghị giao con chung cho chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy con chung còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ do đó cần giao con chung cho chị Ttrông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Gcó quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Gvì chị Tkhông yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Quỳnh Tphải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị Quỳnh T, cho chị Trần Thị Quỳnh T được ly hôn với anh Nguyễn Trường Giang.

2. Về con chung: Giao 01 con là Nguyễn Trần Minh K, sinh ngày 05/3/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh G vì chị T không có yêu cầu. Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Quỳnh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006550 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Trần Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Trường G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh và huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

